

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày 20-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST-DS ngày 03/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-DS ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 15 Trương Văn H, phường P, quận 9, Thành phố M. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thái Thu T, sinh năm 1964; thường trú: 36/17, đường Phan Bội C, khu phố Đ, phường D, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 19/01/2018, ông Đoàn Văn Đ có cho bà Trần Thái Thanh T vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Khi cho vay, bà T không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông Đ. Hai bên có làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 19/01/2018 đến ngày 19/12/2020, lãi suất 2%/tháng, nếu quá 01 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn trên hết giá trị thực hiện, bên vay phải hoàn trả tiền vốn cho bên cho vay.

Sau khi nhận tiền từ ông Đ vào ngày 19/01/2018 cho đến nay, bà T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không hợp tác.

Mặc dù khoản tiền vay chưa đến hạn nhưng do bà T vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên thời hạn đó không còn giá trị theo thỏa thuận trong giấy vay tiền các bên đã ký kết.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thái Thu T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2019, tạm tính 15 tháng x 2%/tháng x 1.500.000.000 đồng = 375.000.000 đồng. Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu bà T thanh toán số tiền 1.875.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc về việc xác định yêu cầu khởi kiện ngày 05/6/2019, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn gồm: Yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) kể từ ngày 19/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 15 tháng x 20%/năm x 1.500.000.000 đồng = 375.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu tính mức lãi suất nào khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy vay tiền kèm giấy nhận tiền vay ngày 19/01/2018.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thái Thu T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/6/2019 và tham gia phiên tòa vào các ngày 29/7/2019 và ngày 20/8/2019 nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng P là vợ của ông Đoàn Văn Đ. Quá trình tố tụng, bà P xác định không liên quan gì đến số tiền ông Đ cho bà T vay, đồng thời bà P đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Tòa án không đưa bà P vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn bà Trần

Thái Thu T đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn xác định đã cho bà Trần Thái Thu T vay tiền tổng cộng 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) thể hiện tại Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 19/01/2018 có chữ ký của bà Trần Thái Thu T. Nội dung giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, không thế chấp tài sản, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký giấy vay tiền, quá 01 tháng bên vay không trả lãi thì thời hạn vay hết giá trị, các giao dịch khác không liên quan đến khoản vay này, bên vay đã nhận đủ số tiền vay. Quá trình vay tiền bà Trần Thái Thu T chưa trả tiền nợ gốc cũng như nợ lãi. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn trong Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) lập ngày 19/01/2018 vì cho rằng nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã đầy đủ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) đối với số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 19 \text{ tháng (từ ngày 19/01/2018 đến ngày 20/8/2019 là ngày xét xử sơ thẩm)} = 475.950.000 \text{ đồng}$.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 475.950.000 đồng, tổng cộng: 1.975.950.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn bà Trần Thái Thu T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thái Thu T phải thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 1.975.950.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó gồm 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 475.950.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thái Thu T phải nộp 71.278.500 đồng (bảy mươi một triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ 34.125.000 đồng (ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0028504, ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Dương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

